

Số: 31/2021/QĐST-DS

Bình Tân, ngày 06 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 6 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:**

- *Nguyên đơn:*

1. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1969

2. Anh **Võ Văn P**, sinh năm 1984

Cùng cư trú: Tổ 6, ấp TQ, xã TB, huyện BT, tỉnh V.

- *Bị đơn:*

1. Anh **Võ Thành T**, sinh năm 1981

2. Chị **Trần Thanh T**, sinh năm 1984

Nơi ĐKTT: Tổ 6, ấp TQ, xã TB, huyện BT, tỉnh V.

Tạm trú: Khóm TL, thị trấn TQ, huyện BT, tỉnh V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Phạm Thị Bé B**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp TQ, xã TB, huyện BT, tỉnh V.

2. Ông **Phùng Hoài N**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Khóm TT, thị trấn TQ, huyện BT, tỉnh V.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Vô hiệu hợp đồng cố đất ngày 01/9/2014 (âm lịch) giữa ông Võ Thành T và bà Trần Thanh T với ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Bé B.

Buộc ông Võ Thành T và bà Trần Thanh T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Bé B số tiền 63.000.000 đồng.

2.2. Vô hiệu hợp đồng cố đất ngày 15/01/2017 (âm lịch) giữa ông Võ Thành T với anh Võ Văn P.

Buộc ông Võ Thành T và bà Trần Thanh T có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn P số tiền 32.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N nộp số tiền 431.000 đồng (*bốn trăm ba mươi một nghìn đồng*), số tiền án phí ông N phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.375.000 đồng (*ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0011983 ngày 15/6/2021, vậy ông Nguyễn Văn N được nhận lại số tiền 2.944.000 đồng (*Hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh V.

Bà Phạm Thị Bé B nộp số tiền 431.000 đồng (*bốn trăm ba mươi một nghìn đồng*)

Ông Võ Thành T và bà Trần Thanh T nộp số tiền 1.337.500 đồng (*một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Đối với anh Võ Văn P có đơn xin miễn nộp tiền án phí (thuộc hộ cận nghèo). Do đó, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn tiền án phí cho anh Võ Văn P số tiền 475.000 đồng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- Đương sự: 04;
- VKSND huyện BT, tỉnh V: 01;
- Chi cục THADS huyện BT, tỉnh V 01;
- TAND tỉnh V (PKTNV&THA): 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01

Đã ký

**Huỳnh Ngọc Sương**

